TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH l**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 268/2019/QĐST-HNGĐ	*Tân An, ngày 24 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 394 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 273/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự

Ông Đỗ Minh D

Sinh năm 1975

Địa chỉ: 187/4 Ấp B xã P huyện C tỉnh L.

Bà T. Thị Cẩm H

Sinh năm 1977

Địa chỉ: 74 Đường T Phường H thành phố T tỉnh L

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần D

Địa chỉ: 35 phố H, Phường L Quận H thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Tấn P, Trưởng phòng Khách hàng Cá nhân Ngân hàng TMCP D – chi nhánh T (theo văn bản ủy quyền số 1177/QĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Giám đốc chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà T. Thị Cẩm H và ông Đỗ Minh D là vợ chồng, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68 Quyển số 01/2010 của Ủy ban nhân dân xã P huyện C tỉnh L, ngày đăng ký là ngày 20 tháng 4 năm 2010. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc do không hòa hợp. Song, vợ chồng vẫn cố gắng vì cả hai cũng đã lớn tuổi. Tuy nhiên, càng ngày mâu thuẫn giữa vợ chồng càng trầm trọng hơn. Đến tháng

8 năm 2019 thì vợ chồng đã thật sự chấm dứt quan hệ tình cảm. Do vậy, ông Đỗ Minh D và bà T. Thị Cẩm H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung và chia tài sản chung. Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý việc dân sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 29, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân thành phố T đã tiến hành hòa giải nhưng ông D và bà H kiên quyết ly hôn. Do đó, ngày 16 tháng 10 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố T lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Tại phiên hòa giải, ông D và bà H đã thống nhất ly hôn vì không thể kéo dài tình trạng hôn nhân hiện tại.

[3] Về con chung: Ông D và bà H có một người con chung, tên là Đỗ Ngọc N. Y sinh ngày 15 tháng 9 năm 2014, ông D và bà H thống nhất bà H sẽ trực tiếp nuôi con chung, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, ông D và bà H xác định tài sản chung và nợ chung, cụ thể:

- Quyền sử dụng đất và nhà ở trên diện tích 343,3m^2 đất thuộc thửa 155 tờ bản đồ số 12 xã P huyện C tỉnh L, do ông Đỗ Minh D đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện C tỉnh L cấp vào ngày 17 tháng 6 năm 2013;.

- Quyền sử dụng đất và nhà ở trên diện tích 130,2m^2 đất thuộc thửa 544 tờ bản đồ số 12 xã P huyện C tỉnh L, do bà T. Thị Cẩm H và ông Đỗ Minh D đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện C tỉnh L cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2015;

- Quyền sử dụng đất và nhà ở trên diện tích 145,5m^2 đất thuộc thửa 563 tờ bản đồ số 12 xã P huyện C tỉnh L, do ông Đỗ Minh D đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện C tỉnh L cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2014;

Ba thửa đất trên ông và bà đã thế chấp để đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng TMCP D, số tiền nợ gốc là 3.000.000.000 đồng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, ông Đỗ Minh D, bà T. Thị Cẩm H thống nhất chia tài sản chung và giải quyết nợ chung như sau:

- Ông Đỗ Minh D đã giao đủ cho bà T. Thị Cẩm H 450.000.000 đồng, gồm 300.000.000 đồng tiền Việt Nam và các tài sản khác có giá trị tương đương 150.000.000 đồng.

- Ông Đỗ Minh D được quyền sử dụng ba thửa đất nói trên và sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với các thửa đất đã nêu.

- Ông Đỗ Minh D có nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/9828384/HĐTD ngày 07 tháng 8 năm 2019 giữa Ngân hàng TMCP D – chi nhánh T với ông Đỗ Minh D và bà T. Thị Cẩm H.

Người đại diện của Ngân hàng D thống nhất ghi nhận nghĩa vụ trả nợ của ông Đỗ Minh D và sẽ xử lý tài sản thế chấp theo quy định khi ông D thực hiện đúng và đủ nghĩa vụ đã thỏa thuận giữa bên vay và bên cho vay theo quy định.

[6] Tòa án đã lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành theo quy định tại Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của những người yêu cầu được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có người yêu cầu nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất ly hôn vì không thể kéo dài tình trạng hôn nhân hiện tại.

Về con chung: Sau khi ly hôn, bà T. Thị Cẩm H là người trực tiếp nuôi con chung, tên là Đỗ Ngọc N.Y sinh ngày 15 tháng 9 năm 2014; Ông Đỗ Minh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đỗ Minh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung; không ai được cản trở ông D thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc hai bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung và nợ chung: Thống nhất chia tài sản chung và nợ chung như sau:

Ông Đỗ Minh D được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, gồm:

- Quyền sử dụng đất và nhà ở trên diện tích 343,3m^2 đất thuộc thửa 155 tờ bản đồ số 12 xã P huyện C tỉnh L, do ông Đỗ Minh D đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà UBND huyện C tỉnh L cấp vào ngày 17 tháng 6 năm 2013;.

- Quyền sử dụng đất và nhà ở trên diện tích 130,2m^2 đất thuộc thửa 544 tờ bản đồ số 12 xã P huyện C tỉnh L, do bà T. Thị Cẩm H và ông Đỗ Minh D đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà UBND huyện C tỉnh L cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2015;

- Quyền sử dụng đất và nhà ở trên diện tích 145,5m^2 đất thuộc thửa 563 tờ bản đồ số 12 xã P huyện C tỉnh L, do ông Đỗ Minh D đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà UBND huyện C tỉnh L cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2014;

Ông Đỗ Minh D có nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/9828384/HĐTD ngày 07 tháng 8 năm 2019 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Tiền Giang với ông Đỗ Minh D và bà T. Thị Cẩm H.

2. Về lệ phí: Ông Đỗ Minh D và bà T. Thị Cẩm H chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí mà ông D và bà H đã nộp (theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0002720 ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân An) thành lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
-Những người yêu cầu;
-Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn ;
-Lưu hồ sơ

Phạm Thị Thanh Thảo